

**CÔNG TY TNHH HÀ PHÚ THIÊN**  
**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH HÀ PHÚ THIÊN

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài:

Tên công ty viết tắt: CTY TNHH HÀ PHÚ THIÊN

**2. Mã số doanh nghiệp:** 1301097759

**3. Ngày thành lập:** 28/09/2020

**4. Địa chỉ trụ sở chính:**

Số E11, đường Nguyễn Thị Định, Phường Phú Tân, Thành phố Bến Tre, Tỉnh Bến Tre, Việt Nam

Điện thoại: 0946926080

Fax:

Email:

Website:

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                                                                                                                                                        | Mã ngành                                                     |
|-----|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------|
| 1.  | Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng                                                                                                                          | 4663(Chính)                                                  |
| 2.  | Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác                                                                                                                                       | 4299                                                         |
| 3.  | Vận tải hàng hóa bằng đường bộ                                                                                                                                                   | 4933                                                         |
| 4.  | Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa                                                                                                                                              | 5022                                                         |
| 5.  | Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan                                                                                                                              | 7110                                                         |
| 6.  | Xây dựng công trình đường bộ                                                                                                                                                     | 4212                                                         |
| 7.  | Xây dựng công trình điện                                                                                                                                                         | 4221                                                         |
| 8.  | Xây dựng công trình cấp, thoát nước                                                                                                                                              | 4222                                                         |
| 9.  | Xây dựng công trình viễn thông, thông tin liên lạc                                                                                                                               | 4223                                                         |
| 10. | Xây dựng công trình công ích khác                                                                                                                                                | 4229                                                         |
| 11. | Xây dựng công trình thủy                                                                                                                                                         | 4291                                                         |
| 12. | Xây dựng công trình khai khoáng                                                                                                                                                  | 4292                                                         |
| 13. | Xây dựng công trình chế biến, chế tạo                                                                                                                                            | 4293                                                         |
| 14. | Lắp đặt hệ thống xây dựng khác                                                                                                                                                   | 4329                                                         |
| 15. | Hoàn thiện công trình xây dựng                                                                                                                                                   | 4330                                                         |
| 16. | Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác                                                                                                                                              | 4390                                                         |
| 17. | Lắp đặt hệ thống điện                                                                                                                                                            | 4321                                                         |
| 18. | Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí                                                                                                            | 4322                                                         |
| 19. | Xây dựng nhà để ở                                                                                                                                                                | 4101                                                         |
| 20. | Xây dựng nhà không để ở                                                                                                                                                          | 4102                                                         |
| 21. | Bán buôn kim loại và quặng kim loại<br>Chi tiết: Bán buôn sắt, thép                                                                                                              | 4662                                                         |
| 22. | Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt)                                                                                              | 4931                                                         |
| 23. | Vận tải hành khách đường bộ khác                                                                                                                                                 | 4932                                                         |
| 24. | Dịch vụ lưu trú ngắn ngày                                                                                                                                                        | 5510                                                         |
| 25. | Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động                                                                                                                                 | 5610                                                         |
| 26. | Ghi chú: Doanh nghiệp phải thực hiện đúng các quy định của pháp luật về đất đai, xây dựng, bảo vệ môi trường và điều kiện kinh doanh đối với ngành nghề kinh doanh có điều kiện. | Ngành, nghề chưa khớp mã với Hệ thống ngành kinh tế Việt Nam |

**6. Vốn điều lệ:** 2.799.999.999 VNĐ

## 7. Thông tin về chủ sở hữu:

Họ và tên: \_\_\_\_\_ Giới tính: \_\_\_\_\_  
Sinh ngày: \_\_\_\_\_ Dân tộc: \_\_\_\_\_ Quốc tịch: \_\_\_\_\_  
Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: \_\_\_\_\_  
Số giấy chứng thực cá nhân: \_\_\_\_\_  
Ngày cấp: \_\_\_\_\_ Nơi cấp: \_\_\_\_\_  
Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: \_\_\_\_\_  
Chỗ ở hiện tại: \_\_\_\_\_

## 8. Người đại diện theo pháp luật:

\* Họ và tên: **VÕ THÚY VY** Giới tính: **Nữ**  
Chức danh: *Giám đốc*  
Sinh ngày: **30/07/1993** Dân tộc: **Kinh** Quốc tịch: **Việt Nam**  
Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: *Chứng minh nhân dân*  
Số giấy chứng thực cá nhân: **321442828**  
Ngày cấp: **12/01/2019** Nơi cấp: *Công an Bến Tre*  
Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: *Số 27F, ấp Phú Dân, Xã Phú Hưng, Thành phố Bến Tre, Tỉnh Bến Tre, Việt Nam*  
Chỗ ở hiện tại: *Số 27F, ấp Phú Dân, Xã Phú Hưng, Thành phố Bến Tre, Tỉnh Bến Tre, Việt Nam*

**9. Nơi đăng ký:** Phòng Đăng ký kinh doanh Tỉnh Bến Tre